

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2019/KDTM-PT

Ngày 28/10/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và ông Hoàng Kim Khánh

-Thư ký phiên tòa:Bà Phan Thị Linh Chi; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk

-Đại diện VKSND tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái
- Kiểm sát viên

Ngày 28/10/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đăk Lăk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:13/2019/TLPT-KDTM ngày 03/9/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2019/KDTM-ST ngày 15/7/2019, của TAND thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐXX-PT ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: số 442 đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Tuấn A - Chức vụ: Nhân viên tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Đăk Lăk- Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018)

Địa chỉ: Số 252- 154- 156 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối B.

Địa chỉ: Số 17 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thu T- C/v: Giám đốc Công ty - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu D (đã chết ngày 05/4/2018)

2. Bà Trịnh Thu T- Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
Cùng địa chỉ: Số 17 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/7/2018; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 28/8/2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) trình bày:

1. Ngày 26/01/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Phân phối B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký kết hợp đồng tín dụng số: DAL.DN624.220116 với Ngân hàng A, tại chi nhánh Đắk Lắk, vay ngân hàng 500.000.000đ; Lãi suất vay 8,5%/năm; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích vay: Mua xe thể chấp chính xe mua để phục vụ kinh doanh.

Để đảm bảo trả cho ngân hàng khoản tiền vay nêu trên, ngày 25/01/2016, Công ty B ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng xe ô tô tải biển số: 47C-114.82.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 26/01/2016, ngân hàng giải ngân cho Công ty B vay 500.000.000đ. Tính đến ngày 17/8/2018, Công ty B còn nợ ngân hàng 189.412.025đ tiền gốc và 14.846.872đ tiền lãi.

2. Ngày 27/4/2016, Công ty B ký kết hợp đồng tín dụng số: DAL.DN635.250416 với Ngân hàng A, tại chi nhánh Đắk Lắk, vay ngân hàng 560.000.000đ; Lãi suất vay 8,5%/năm; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích vay: Mua xe thể chấp chính xe mua để phục vụ kinh doanh.

Để đảm bảo trả cho ngân hàng khoản tiền vay nêu trên, ngày 26/4/2016, Công ty B ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng xe ô tô tải biển số: 47C-126.43.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 27/4/2016, ngân hàng giải ngân cho Công ty B vay 560.000.000đ. Tính đến ngày 17/8/2018, Công ty B còn nợ ngân hàng 303.480.000đ tiền gốc và 18.671.230đ tiền lãi.

3. Ngày 27/12/2016, Công ty B ký kết hợp đồng tín dụng số: DAL.DN425.261216 với Ngân hàng A, tại chi nhánh Đắk Lắk, vay ngân hàng 500.000.000đ; Lãi suất vay 9,26%/năm; Thời hạn vay 48 tháng; Mục đích vay: Mua xe thể chấp chính xe mua để phục vụ kinh doanh.

Để đảm bảo trả cho ngân hàng khoản tiền vay nêu trên, ngày 27/12/2016, Công ty B, ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng xe ô tô tải biển số: 47C-148.98.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 27/12/2016, ngân hàng giải ngân cho Công ty B vay 500.000.000đ. Tính đến ngày 17/8/2018, Công ty B còn nợ ngân hàng 353.700.000đ tiền gốc và 22.422.236đ tiền lãi.

4. Ngày 28/12/2016, Công ty B ký kết hợp đồng tín dụng số: DAL.DN603.271216 với Ngân hàng A, tại chi nhánh Đắk Lắk, vay ngân hàng 2.450.000.000đ; Lãi suất vay 8,8%/năm; Thời hạn vay 09 tháng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh.

Để đảm bảo trả cho ngân hàng khoản tiền vay nêu trên, ngày 13/4/2016, ông Trịnh Xuân T và bà Trịnh Thị T đã ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng, quyền sử dụng đất thửa đất số 24, tờ bản đồ số 71, tại phường T, thành phố B và thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, trên thửa đất số 24; Đất

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/5/2002; Ngày 20/4/2016, Ông Nguyễn Hữu D và Bà Trịnh Thu T thế chấp cho ngân hàng xe ô tô con biển số 47A-168.79.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 20/10/2017, ngân hàng giải ngân cho Công ty B vay 1.500.000.000đ và ngày 21/10/2017, ngân hàng tiếp tục giải ngân cho Công ty B vay 950.000.000đ. Tính đến ngày 17/8/2018, ngân hàng đã xử lý các tài sản thế chấp và thu hồi 2.540.000.000đ tiền nợ gốc và 50.936.025đ tiền lãi.

Ngày 22/01/2016, Ông Nguyễn Hữu D và Bà Trịnh Thu T lập Chứng thư bảo lãnh cho Công ty B vay ngân hàng số tiền theo 4 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Hiện tại, Công ty B còn nợ ngân hàng, theo các hợp đồng tín dụng là 846.592.025đ tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17/8/2018 là 55.940.338đ.

Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty B phải trả cho ngân hàng 846.592.025đ tiền nợ gốc và 55.940.338đ tiền lãi tính đến ngày 17/8/2018; Tổng cộng 902.532.363đ và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng tính từ ngày 18/8/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng; Xử lý các tài sản thế chấp là xe ô tô tải biển số 47C-114.82, xe ô tô tải biển số 47C-126.43, xe ô tô tải biển số 47C-148.98 để thanh toán tiền nợ cho ngân hàng. Trường hợp Công ty B không trả được số tiền nợ nêu trên cho ngân hàng hoặc trả không đầy đủ, đề nghị Toà án buộc bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Hữu D và Bà Trịnh Thu T phải liên đới thực nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, theo chứng thư bảo lãnh và giấy cam kết trả nợ.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty B trình bày: Về nội dung bốn hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản, được ký kết giữa Công ty B và Ngân hàng A, đúng như nguyên đơn đã trình bày; Công ty B thừa nhận tính đến ngày 17/8/2018, Công ty B còn nợ ngân hàng 846.592.025đ tiền nợ gốc và 55.940.338đ tiền lãi; Việc Ngân hàng A khởi kiện Công ty B khoản tiền nợ nêu trên, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Trịnh Thu T trình bày: Ngày 22/01/2016, bà cùng với chồng là Ông Nguyễn Hữu D lập Chứng thư bảo lãnh cho Công ty B vay Ngân hàng A số tiền theo bốn hợp đồng tín dụng, mà Công ty B vay ngân hàng; Hiện tại chồng bà đã chết, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2019/KDTM-ST ngày 15/7/2019, của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, đã áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 BLTTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 BLDS; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 58 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Phân phối Dịch vụ B, phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 846.592.025đ tiền nợ gốc và 188.121.742đ tiền nợ lãi tính đến ngày 15/7/2019; Tổng cộng 1.034.713.767đ và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, tính từ ngày 16/7/2019 cho đến khi trả xong khoản tiền nợ nêu trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn về xử lý tài sản thế chấp, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 30/7/2019, nguyên đơn là Ngân hàng A có đơn kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là buộc Ông Nguyễn Hữu D và Bà Trịnh Thu T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho ngân hàng, đối với khoản tiền Công ty B đã vay ngân hàng, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng trong việc thu hồi nợ; Ông Nguyễn Hữu D đã chết vào ngày 05/4/2018 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định và triệu tập người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D, tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng được thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Hữu D và Bà Trịnh Thu T trả nợ cho ngân hàng, khoản tiền mà Công ty B đã vay ngân hàng, theo bốn hợp đồng tín dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, là giải quyết không đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Ông Nguyễn Hữu D đã chết vào ngày 05/4/2018 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D vào tham gia tố tụng, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không rút đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia giải quyết vụ án, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Hữu D và Bà Trịnh Thu T thực

hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A là bên nhận bảo lãnh, đối với khoản tiền mà Công ty B vay ngân hàng, theo bốn hợp đồng tín dụng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý nhưng không xem xét, giải quyết yêu cầu này của ngân hàng, là giải quyết không đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Bởi lẽ, khi nghị án, Hội đồng xét xử phải xem xét, giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án; Trong phần nội dung vụ án và nhận định trong bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận yêu cầu này của ngân hàng, không xem xét để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ngân hàng, là vi phạm khoản 2 Điều 264, vi phạm các điểm b, c khoản 2 Điều 266 BLTTDS.

[4] Theo giấy chứng tử có trong hồ sơ vụ án, Ông Nguyễn Hữu D chết vào ngày 05/4/2018, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm, để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, nên Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 BLTTDS: Huỷ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số:10/2019/KDTM-ST ngày 15/7/2019 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột và chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được nhận lại 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, tại biên lai số: AA/2019/0002152 ngày 06/8/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố BMT;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Huân

